

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **38/2022/HNGĐ – ST**

Ngày: 22/9/2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhã Phương.
- Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Nguyễn Thế Hằng
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện EaKar.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 184/2022/TLST -HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2022; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 18/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị N, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
- **Bị đơn:** Ông Lê Văn H, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Văn H sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/5/2004. Trong cuộc sống hôn nhân do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, tôi và ông H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy

cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông H.

Về con chung: Chúng tôi có ba con chung là Lê Văn H1 sinh ngày 15/9/2002; Lê Văn H2 sinh ngày 22/4/2004 và Lê Văn T sinh ngày 17/02/2008. Trong đó, con chung Lê Văn H1 và Lê Văn H2 đã thành niên, có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên tôi không yêu cầu giải quyết. Đối với Lê Văn T tôi có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Lê Văn T đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn cũng không tiến hành hòa giải được để các đương sự đoàn tụ và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã ban hành các văn bản tố tụng, triệu tập các đương sự để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn không tham gia để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Ngô Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự. Bà Ngô Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Lê Văn H. Bà N có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Văn T cho đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi con đồng thời sẽ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung không đề nghị tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N. Cho bà Ngô Thị N được ly hôn với ông Lê Văn H.

- Về con chung: Giao con chung Lê Văn T sinh ngày 17/02/2008 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng trong quá trình giải quyết vụ án bà N không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.
- Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết việc hôn nhân, con chung đối với ông Lê Văn H, đơn khởi kiện của bà N được Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar.

Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt các đương sự: Tòa án nhân dân huyện EaKar đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2022 cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Ngô Thị N và ông Lê Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/5/2004 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N xác định trong cuộc sống hôn nhân do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được và cả hai đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N có nguyện vọng được ly hôn với ông Lê Văn H.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của bà N và ông H là gì, không báo chính quyền địa phương nhưng cuộc sống của vợ chồng ông H thường xuyên cãi vã do ông H không chịu khó làm ăn, trả nợ và cả hai vợ chồng đã không sống chung với nhau từ lâu..

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N, cho bà Ngô Thị N được ly hôn với ông Lê Văn H.

Về con chung: Bà N và ông H có ba con chung là Lê Văn H1 sinh ngày 15/9/2002; Lê Văn H2 sinh ngày 22/4/2004 và Lê Văn T sinh ngày 17/02/2008, con chung Lê Văn H1 và Lê Văn H2 đã thành niên, có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên tôi không yêu cầu giải quyết. Đối với Lê Văn T sinh ngày 17/02/2008, hiện còn nhỏ nên bà N có

nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tú đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai, cháu Tú có nguyện vọng được ở với mẹ là Ngô Thị N. Để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng nên căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lê Văn T sinh ngày 17/02/2008 cho bà Ngô Thị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trợ cấp nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập.

{3} Về án phí: Bà Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị N được ly hôn với ông Lê Văn H.

[2]. Về con chung: Giao con chung Lê Văn T sinh ngày 17/02/2008 cho bà Ngô Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ông Lê Văn H được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông Lê Văn H không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số

60AA/2021/0000642 ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- UBND xã Xuân Phú, huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhã Phương